

Bản án số: 18/2024/HS-ST

Ngày 12-4-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Anh Luyện.

Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quyết Tiên, bà Nguyễn Thị Ngát, bà Dương Ánh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Trung - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Dư Văn Tuệ - Kiểm sát viên.

Ngày 12/4/2024, tại Phòng xử án Hình sự - Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 03/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST-HS ngày 22/3/2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị L, sinh ngày 20/3/1981 tại xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đôn C, sinh năm 1935 và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1937; có chồng là Vũ Hồng L1, sinh năm 1976 và 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2006 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xử phạt 07 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo Bản án số 55/2006/HSST ngày 08/8/2006.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 07/6/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; có mặt.

2. Nguyễn Văn Q, sinh ngày 15/4/1974 tại huyện B, tỉnh Lào Cai; nơi cư trú: Số I đường D, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị H (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị H1, sinh năm 1964 và 01 con sinh năm 1999;

Tiền sự: Không; tiền án: Năm 2003 bị xử phạt 16 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo Bản án số 97/HSST ngày 28/7/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai (chưa được xóa án tích);

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 07/6/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; có mặt.

3. Lê Quang C1, sinh ngày 09/5/1977 tại thành phố H, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Tổ G, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quang L2 (đã chết) và bà Đào Thị T1, sinh năm 1949 (đã chết tháng 8 năm 2023); có vợ là Nguyễn Thị T2, sinh năm 1980 và 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2008 bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang xử phạt 02 năm tù giam về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; năm 2012 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xử phạt 03 năm tù về tội Mua bán trái phép chất mua túy;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 07/6/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; có mặt.

4. Nguyễn Tiến K, sinh ngày 28/11/1977 tại xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân T3, sinh năm 1950 và bà Vũ Thị H2, sinh năm 1957; có vợ là Lù Thị T4, sinh năm 1998 và 02 con, con lớn sinh năm 2020, con nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 07/6/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị L:** Bà Viên Thị V - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Viên Thị V và cộng sự; có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Q:** Ông Nguyễn Xuân Q1 - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Phạm Thị L3 và cộng sự; có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo Lê Quang C1:** Bà Phạm Thị L3 - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Phạm Thị L3 và cộng sự; có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Phạm Thị N, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang; có mặt.

+ Bà Lù Thị N1, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

+ Bà Trịnh Thị Kim N2, sinh năm 1974. Địa chỉ: Số nhà G, Tổ C, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; có mặt.

+ Bà Lù Thị T4, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tổ A, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang; có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tổ I, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị L, sinh năm 1981, trú tại thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang, thường xuyên sang tỉnh Lào Cai chơi thì được một số người, không biết tên, địa chỉ nói cho L biết ở khu vực ngã ba B thuộc xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai có người bán ma túy. Đến khoảng thời gian từ tháng 05 đến tháng 6 năm 2023 Nguyễn Thị L điều khiển xe máy biển số 21B1-267.81 một mình đi từ nhà ở của L đi đến khu vực ngã ba B thuộc xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai gặp một người đàn ông L không quen biết mua 2 lần ma túy. Lần đầu L mua được 01 cục ma túy Heroine với giá 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*). Lần hai L mua được một bánh ma túy và 02 gói ma túy Methamphetamine, tổng số tiền 157.000.000đ (*Một trăm năm mươi bảy triệu đồng*). Sau khi mua được số ma túy trên L mang về cất giấu tại nhà ở của L, mục đích là để sử dụng và bán kiếm lời.

Nguyễn Thị L quen biết Nguyễn Văn Q, sinh năm 1974, trú tại tổ B, phường L, thành phố L, tỉnh Lào Cai trong thời gian chấp hành án tại trại giam Q2, tỉnh Tuyên Quang. Đến đầu năm 2003 L gặp lại Q tại nhà của Lù Thị N1, sinh năm 1992, trú tại thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang (*Q là bạn trai của N1*). Qua nói chuyện L có hỏi Q có biết ai chơi đồ (sử dụng ma túy) thì giới thiệu cho L. Q nói “anh có thằng em nó chơi, khi nào nó có nhu cầu thì anh sẽ giới thiệu”.

Vào khoảng đầu tháng 6 năm 2023, Nguyễn Tiến K gọi điện cho Q (*vợ K là em gái của người yêu Q*) nhờ Q mua hộ 1,5 chỉ ma túy Heroine, với giá 5.200.000đ (*Năm triệu hai trăm nghìn đồng*), Q đồng ý. K sử dụng ứng dụng Banking trên điện thoại của K để chuyển tiền vào tài khoản của Q, tổng là 5.200.000đ (*Năm triệu hai trăm nghìn*). Sau đó Nguyễn Văn Q gọi điện thoại cho L hỏi vay 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) tức là hỏi mua 1,5 chỉ ma túy Heroine với giá 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*). L đồng ý, Q chuyển tiền vào tài khoản của L. Sau đó L lấy cục ma túy H3 cất giấu ở trong phòng ngủ ra cắt bớt ước lượng khoảng 1,5 chỉ ma túy (không cân tịnh) cho vào túi nilon màu trắng rồi cho vào vỏ bao thuốc là Thăng Long màu vàng, mang ra để chân cột điện cạnh đường bê tông trước cửa nhà L và gọi điện thông báo cho Q vị trí để ma túy để Q đến lấy. Sau đó Nguyễn Văn Q gọi điện cho K hướng dẫn vị trí để ma túy để K đi lấy, K đồng ý và điều khiển xe ô tô tải, biển số: 23C-065.82 đi từ xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang đến ngã tư xã T đi vào đường bê tông bên phải khoảng 200 mét và lấy gói ma túy đựng trong túi nilon màu trắng viền miệng túi màu đỏ ở trong vỏ bao thuốc lá T, sau khi lấy được ma túy mang về K đã sử dụng cho bản thân hết.

Đến khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 06/06/2023, Nguyễn Tiến K dùng số điện thoại 0985113177 gọi cho Nguyễn Văn Q có số điện thoại 0332002624 nhờ Q mua hộ 1,5 chỉ ma túy H3, Q đồng ý và nói 1,5 chỉ ma túy bán với giá 5.550.000đ (*Năm triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*) và bảo K trả nốt số tiền còn nợ 1.900.000đ (*Một triệu chín trăm nghìn đồng*) do K vay mượn của Q từ trước, K đồng ý và sử dụng ứng dụng Banking trên điện thoại của K chuyển tiền vào tài khoản của anh Q, tổng là 7.450.000đ (*Bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*), Sau đó Q gọi điện thoại cho L hỏi vay 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) tức là hỏi mua 1,5 chỉ ma túy Heroine với giá 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*). L đồng ý, Q chuyển tiền vào tài khoản của Phạm Thị N, sinh năm 1976, trú cùng thôn với L (*theo yêu cầu của L*), Sau khi L nhận được tiền, L

lấy bánh ma túy Heroine cất giấu ở trong hộp cát tông trên giường ngủ trong phòng ngủ ra cắt bớt ước lượng khoảng 1,5 chỉ ma túy (*không cân tịnh*), cho vào túi nylon màu trắng rồi cho vào vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng, mang ra để cạnh đường bê tông trước cửa nhà và phủ tàu lá chuối lên để đánh dấu. L gọi điện thông báo cho Q vị trí để ma túy. Sau đó Q gọi điện báo cho K đi vào đường bê tông gần Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang, để lấy ma túy để trong vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng để bên dưới tàu lá chuối trên đường bê tông, K đồng ý và điều khiển xe ô tô tải, biển số: 23C-065.82 đi từ xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang, đến ngã tư T đi vào đường bê tông bên phải khoảng 200 mét thấy tàu lá chuối trên đường bê tông, K dừng xe xuống lật tàu lá chuối lên lấy ma túy được để trong vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng, rồi điều khiển xe ô tô về xã Đ (*chỗ K đang làm công trình*), số ma túy này K đã sử dụng nhiều lần cho bản thân, số ma túy còn lại K để trên xe ô tô cho đến khi bị Cơ quan điều tra bắt quả tang và khám xét thu giữ số ma túy trên .

Ngoài bán ma túy cho Nguyễn Tiến K thì Nguyễn Thị L và Nguyễn Văn Q còn bán ma túy cho Lê Quang C1 3 lần, cụ thể đó là:

Vào khoảng đầu tháng 05/2023, Lê Quang C1 gọi điện cho Q (*C1 quen biết Q qua Nguyễn Tiến K*) hỏi cho vay năm củ, tức là hỏi mua 05 chỉ ma túy Heroine và thỏa thuận giá 01 chỉ ma túy với giá là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*), 05 chỉ ma túy là 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*), Q đồng ý và bảo C1 xuống km 35 quốc lộ B hướng Hà Giang - Tuyên Quang để gặp Q, C1 đồng ý và điều khiển xe máy biển kiểm soát 23B1-438.24 một mình xuống gặp Q, khi đến nơi thì gặp Q đứng một mình ở cạnh đường, tại đây C1 đưa cho Q 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*) tiền mặt cho Q và nợ 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) Q đồng ý và bảo C1 đi xuống ngã tư T, thuộc huyện B, tỉnh Hà Giang để lấy ma túy. Sau đó Q gọi cho Nguyễn Thị L để hỏi mua ma túy (*Q không nhớ là lần này mua ma túy của L với số tiền bao nhiêu để bán cho C1, Q chỉ nhớ có được hưởng lợi từ việc bán ma túy cho C1*). L đồng ý và lấy cục M cất giấu ở trong phòng ngủ ra cắt bớt khoảng 05 chỉ ma túy (*L không cân*) cho vào 01 túi nylon màu trắng rồi cho vào vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng, mang ra để ở cạnh đường bê tông cách nhà L khoảng 20m đến 30m gần chân cột điện rồi bẻ tàu lá chuối phủ lên rồi quay về nhà, L gọi điện thoại thông báo địa điểm cho Q đến lấy. Sau khi L thông báo, Nguyễn Văn Q gọi điện thoại cho Lê Quang C1 hướng dẫn đến ngã tư T rẽ vào đường bê tông bên tay phải khoảng 100 mét, để lấy ma túy được để trong vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng và phủ lá chuối để ở chân cột điện. C1 làm theo hướng dẫn của Q đi đến khu vực chân cột điện gần nhà L lấy được một gói ma túy ở trong vỏ bao thuốc lá Thăng Long cho vào túi quần đang mặc trên người và điều khiển xe máy đi về nhà, đến ngày hôm sau C1 chia số ma túy vừa mua được thành nhiều gói nhỏ để sử dụng, số ma túy này C1 đã sử dụng cho bản thân hết.

Đến khoảng cuối tháng 05/2023, C1 gọi điện cho Q hỏi mua 10 chỉ ma túy với số tiền 35.000.000đ (*Ba mươi lăm triệu đồng*), Q đồng ý. Lê Quang C1 điều khiển xe máy, biển số 23B1-438.24, ra cửa hàng V1, địa chỉ tổ H, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang, chuyển tiền vào tài khoản của Q. Sau đó Q gọi điện thoại

cho L hỏi vay 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*), tức là hỏi mua 10 chỉ ma túy Heroine, L đồng ý bán với giá 29.000.000đ (*Hai mươi chín triệu đồng*), Q chuyển số tiền 29.000.000đ (*Hai mươi chín triệu đồng*) cho L. Sau đó L lấy cục ma túy H3 cất giấu ở trong phòng ngủ ra cắt bớt ước lượng khoảng 10 chỉ ma túy, (không cân tịnh), cho vào 01 túi nilon màu trắng rồi cho vào vỏ bao thuốc là Thăng Long màu vàng, mang ra để ở cạnh đường bê tông rồi bẻ tàu lá chuối phủ lên. L gọi điện cho Q thông báo vị trí để ma túy để cho Q đến lấy. Q thông báo cho C1 đến vị trí như lần trước để lấy ma túy. C1 đi đến ngã tư T rồi rẽ trái theo hướng Hà Giang - Tuyên Quang, đi khoảng 100 mét thì rẽ phải đi vào đường bê tông khoảng 100 mét lấy gói ma túy được để trong vỏ bao thuốc lá Thăng Long cho vào túi quần đang mặc trên người và điều khiển xe máy đi về. Đến ngày hôm sau C1 chia số ma túy vừa mua được thành nhiều gói nhỏ để sử dụng và bán cho nhiều người khác nhau ở ngoài xã hội, không biết tên, địa chỉ mỗi lần bán 01 gói nhỏ với số tiền từ 100.000đ (*Một trăm nghìn đồng*) đến 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), nhưng C1 chỉ nhớ bán cho Nguyễn Ánh H4, sinh năm 1980, trú tại : Tổ F, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang và người tên T5, trú tại xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang nhiều lần, mỗi lần bán 01 gói nhỏ với số tiền từ 100.000đ (*Một trăm nghìn đồng*) đến 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Số ma túy còn lại chưa sử dụng và bán hết C1 tiếp tục cất giấu trong nhà.

Lần 3: Khoảng 11 giờ, ngày 07/06/2023, Lê Quang C1 gọi điện thoại số 0583047808 cho Q có số điện thoại 0332002624, hỏi “cho vay mười củ” tức hỏi mua 10 chỉ ma túy Heroine và thống nhất 10 chỉ Heroine với giá 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*), Q đồng ý và Q bảo C1 chuyển nốt số tiền là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) do C1 còn nợ khi mua ma túy lần trước, C1 đồng ý. Đến khoảng 12 giờ, ngày 07/06/2023, Q gọi điện thoại cho L hỏi vay 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*), tức là mua 10 chỉ ma túy Heroine, L đồng ý bán với giá 29.000.000đ (*Hai mươi chín triệu đồng*) và bảo Q chuyển khoản vào số tài khoản của chị Phạm Thị N do L gửi cho Q từ trước. Sau khi gọi điện cho Q xong C1 lấy 18 gói ma túy Heroine từ số ma túy C1 mua của Q vào tháng 05/2023 chưa sử dụng và bán hết, cất giấu trên người và điều khiển xe máy biển số 23B1 - 438.24, ra cửa hàng V1 do Trịnh Duy T6, sinh năm 1962, trú tại tổ H, phường T, TP ., quản lý để chuyển số tiền 33.000.000đ (*Ba mươi ba triệu đồng*) vào số tài khoản của Q (*trong đó số tiền 3.000.000đ là C1 trả nợ Q tiền mua ma túy lần trước*), Q thấy tài khoản của Q báo nhận số tiền 33.000.000đ (*Ba mươi ba triệu đồng*). Sau khi nhận được tiền của C1 chuyển, Q chuyển số tiền 29.000.000đ (*Hai mươi chín triệu đồng*) qua điện thoại bằng ứng Banking vào tài khoản của Phạm Thị N, rồi gọi điện thông báo cho L biết. L nhận được tiền của Q xong, L lấy bánh ma túy Heroine cất giấu ở trong hộp cát tông trên giường ngủ trong phòng gần bếp ra cắt bớt ước lượng khoảng 10 chỉ ma túy (*không cân tịnh*), chia thành 2 phần cho vào 02 túi nilon màu trắng rồi cho vào vỏ bao thuốc là Thăng Long màu vàng, mang ra để ở cạnh đường bê tông cách nhà L khoảng 20m đến 30m gần bụi chuối, lấy mảnh tàu lá chuối che đậy lên để đánh dấu. L gọi điện thoại cho Q thông báo vị trí để ma túy để Q đến lấy. Q gọi điện cho C1 báo đến vị trí như lần trước để lấy ma túy, C1 đi

đến đường bê tông gần nhà L nhìn thấy tàu lá chuối bên tay phải, phía dưới có vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng bên trong có ma túy Heroine, C1 lấy ma túy cất giấu vào trong ống quần bên phải có chun buộc thắt phần gấu quần. Sau đó điều khiển xe máy đi thẳng đường ra UBND xã T và rẽ trái quốc lộ B đi về thành phố H, khi đi đến Km29, quốc lộ B Tuyên Quang - Hà Giang, thuộc thôn V, xã V, huyện V thì bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh bắt quả tang Lê Quang C1 và thu giữ số ma túy trên.

Quá trình điều tra các bị cáo thừa nhận được thực hành vi mua bán ma túy nhiều lần với nhau, nhưng đã bán hoặc sử dụng hết nên không thu được tang vật là ma túy nên không có cơ sở để xác định được khối lượng ma túy các bị cáo đã giao dịch mua bán với nhau, mà chỉ áp dụng tình tiết phạm tội nhiều lần. Do đó cần áp dụng hướng có lợi cho các bị cáo là chỉ tính khối lượng ma túy thu được khi bắt quả tang và khám xét khẩn cấp, cụ thể đó là Nguyễn Thị L phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi mua bán trái phép chất ma túy có tổng khối lượng là 348,386 gam ma túy, loại Heroine và 9,290 gam ma túy, loại Methamphetamine; Nguyễn Tiến K phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy có tổng khối lượng là 6,889 gam ma túy, loại Heroine; Lê Quang C1 phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi mua bán trái phép chất ma túy có tổng khối lượng là 46,809 gam ma túy, loại Heroine; Nguyễn Văn Q phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi mua bán trái phép chất ma túy của C1 và Q có tổng khối lượng là 53,698 gam ma túy, loại Heroine. Về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo K, C1, L đã bị cơ quan điều tra xử phạt Vi phạm hành chính.

Kết luận giám định số: 186/KL-KTHS, ngày 14/6/2023, của Phòng K1 Công an tỉnh H kết luận giám định số tang vật thu giữ khi bắt quả tang Nguyễn Tiến K như sau: 03 (ba) mẫu gửi giám định ký hiệu A1, A2, A3 đều là ma túy, loại Heroine (H), có tổng khối lượng là: 6,889 gam (*sáu phẩy tám trăm tám mươi chín gam*); H3 (H5) có tên khoa học là D được quy định tại Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi bổ sung năm 2017*) và Nghị định số 57/2022/NĐ-CP, ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất.

Các mẫu gửi giám định ký hiệu A1, A2, A3, A6 đều là ma túy, loại Heroine (H), có tổng khối lượng là: 294,688 gam (*hai trăm chín mươi tư phẩy sáu trăm tám mươi tám gam*); H3 (H5) có tên khoa học là D được quy định tại Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi bổ sung năm 2017*) và Nghị định số 57/2022/NĐ-CP, ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất.

Các mẫu gửi giám định ký hiệu A4, A5 đều là ma túy, loại Methamphetamine, có tổng khối lượng là: 9,290 gam (*chín phẩy hai trăm chín mươi gam*); Methamphetamine nằm trong danh mục II, mục IIC, số thứ tự 247, Nghị định số 57/2022/NĐ-CP, ngày 25/8/2022 của Chính phủ.

Kết luận giám định số: 188/KL-KTHS, ngày 16/6/2023, của Phòng K1 Công an tỉnh H kết luận giám định số tang vật thu giữ khi bắt quả tang và khám xét chỗ ở của Lê Quang C1 như sau: 22 (hai mươi hai) mẫu gửi giám định ký hiệu lần lượt theo thứ tự từ A1 đến A22 đều là ma túy, loại Heroine (H), có tổng khối lượng là: 46,809 gam (*bốn mươi sáu phẩy tám trăm linh chín gam*); H3 (H5) có tên khoa

học là D được quy định tại Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi bổ sung năm 2017*) và Nghị định số 57/2022/NĐ-CP, ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất.

- Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã phong tỏa tài khoản số 0397822451 của Nguyễn Thị L số tiền 39.600.000đ (*Ba mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng*); Phong tỏa tài khoản số 0956933458888 của Phạm Thị N số tiền 63.500.000đ (*Sáu mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng*) tại Ngân hàng T8 (M1); Phong tỏa tài khoản số 190701749060016 của Nguyễn Văn Q số tiền 111.921đ (*Một trăm mười một nghìn chín trăm hai mươi một đồng*) tại Ngân hàng TMCP K2 chi nhánh L4.

Cáo trạng số 02/CT-VKSHG ngày 22/01/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố: Bị cáo Nguyễn Thị L về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" theo điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nguyễn Văn Q, Lê Quang C1 về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" theo điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Tiến K về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo điểm b, g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố, không bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa, giữ nguyên quan điểm truy tố; trên cơ sở phân tích động cơ, mục đích phạm tội; nhân thân; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn Q, Lê Quang C1 phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*"; bị cáo Nguyễn Tiến K phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị L, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (*ngày 07/6/2023*).

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Q, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 17 đến 18 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (*ngày 07/6/2023*).

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Quang C1, xử phạt bị cáo Lê Quang C1 từ 15 đến 16 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (*ngày 07/6/2023*).

- Áp dụng điểm b, g khoản 2 Điều 249; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Tiến K, xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến K từ 06 đến 07 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (*ngày 07/6/2023*).

* *Hình phạt bổ sung*: Các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có việc làm ổn định do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng như sau:

** Tịch thu sung ngân sách nhà nước công cụ, phương tiện, tiền liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.*

- Truy thu số tiền 8.750.000đ của Nguyễn Văn Q do hành vi phạm tội mà có, trừ đi 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) là do Lù Thị N1 giao nộp cho Q, do đó Q còn phải nộp 4.750.000đ; Tiếp tục phong tỏa Số tiền 111.921đ trong tài khoản 19070174906016 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần K2, chi nhánh L4 của Nguyễn Văn Q theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 25/LPT-CSMT ngày 03/7/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh H để đảm bảo thi hành án.

- Truy thu số tiền 300.000đ của Lê Quang C1 do hành vi phạm tội mà có, trong số tiền 10.735.000đ cơ quan điều tra thu giữ của Lê Quang C1.

- Truy thu số tiền 82.000.000 do Nguyễn Thị L giao dịch mua bán trái phép chất ma túy. Tiếp tục phong tỏa số tiền 39.600.000đ trong tài khoản 0397822451 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần T8 của Nguyễn Thị L. Theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 23/LPT-CSMT ngày 03/7/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh H và số tiền 63.500.000đ trong tài khoản 0956933458888 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần T8 của Phạm Thị N theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 24/LPT-CSMT ngày 03/7/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh H để đảm bảo thi hành án.

- 01 (một) xe máy, nhãn hiệu SYM, số loại HUSKY, màu sơn đen; biển kiểm soát 23B1 – 438.24 và 01 chìa khóa xe máy, đã qua sử dụng;

- 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy xe số: 052208 mang tên Nguyễn Hữu T7, sinh năm 1972, địa chỉ tổ B, phường N, TP ., do Phòng CSGT Công an tỉnh H, cấp ngày 25/5/2018;

** Tịch thu tiêu hủy vật chứng của vụ án là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành hoặc vật tài sản các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nhưng không còn giá trị sử dụng gồm*

- 02 (hai) cân điện tử, trong đó 01 cân màu đen có in chữ màu trắng CHQ POCKETSCALE và 01 cân màu đen, có dán tem in chữ QCPASS100/0.01g, đã qua sử dụng;

- 01 (một), chai bằng nhựa có cắm 01 ống hút bằng thủy tinh, 01 ống hút bằng nhựa, đã qua sử dụng;

- 01 (một) bật lửa ga màu xanh; 01 (một) bật lửa khò màu đỏ, đã qua sử dụng;

- 01 (một) hộp bìa cát tông niêm phong cũ;

- 01 (một) lọ nhựa màu trắng hình trụ tròn, bên ngoài có dán tem có chữ màu đen, in hình hoa văn, nắp màu vàng ; 01 (một) cân điện tử, vỏ màu đen, mặt trước có mảnh inox màu trắng; 01 (một) kéo dạng gấp bằng kim loại màu trắng đã bị han gỉ; 01 (một) vỏ hộp bìa cát tông, có in hình hoa văn và in chữ màu đen, xanh, đỏ; 01 (một) mảnh chần ga màu đỏ in hình hoa văn, đã qua sử dụng;

- 204 (hai trăm linh bốn) túi nilon màu trắng, miệng khóa vuốt viền màu đỏ, chưa qua sử dụng;

- 01 (một) mảnh giấy ăn, đã bị nhàu nát; 02 (hai) dây cao su màu vàng; 01 (một) mảnh băng dính màu xanh; 03 (ba) túi nilon màu đen; 01 (một) mảnh giấy nền màu vàng có ký hiệu màu đỏ; 02 (hai) mảnh băng dính màu vàng; 18 (mười tám) túi nilon màu trắng, miệng khóa vuốt viền màu đỏ; 05 (năm) mảnh nilon màu trắng; 01 (một) mảnh giấy vệ sinh, đã bị nhàu nát; 18 (mười tám) mảnh giấy trắng có dòng kẻ; 01 (một) vỏ bao thuốc lá Thăng Long, màu vàng; 02 (hai) túi nilon màu trắng, có chữ màu xanh, đã qua sử dụng;

- 04 (bì) phong bì giấy, niêm phong cũ; 01 (một) mảnh giấy nhiều màu sắc;

- 01 (một) phong bì màu trắng được niêm phong kín, mặt trước ghi **“Mẫu vật hoàn lại sau giám định ký hiệu từ A1 đến A3”**; mặt sau có chữ ký, chữ viết của các thành phần tham gia niêm phong, có 02 hình dấu tròn đỏ của Phòng K1 Công an tỉnh H;

- 01 (một) phong bì màu trắng được niêm phong kín, mặt trước ghi **“Mẫu vật hoàn lại sau giám định ký hiệu từ A1 đến A22”**; mặt sau có chữ ký, chữ viết của các thành phần tham gia niêm phong, có 02 hình dấu tròn đỏ của Phòng K1 Công an tỉnh H;

- 01 (một) túi phong bì màu nâu (Mã số PS2 - 2119449), niêm phong kín, mặt trước phong bì ghi **“Mẫu vật hoàn lại sau giám định ký hiệu từ A1 đến A6”**; mặt sau có chữ ký, chữ viết của các thành phần tham gia niêm phong, có 03 hình dấu tròn đỏ của Phòng K1 Công an tỉnh H;

- 02 (hai) thẻ Ngân hàng, trong đó 01 thẻ A1 số 9704050817308765, mang tên NGUYEN THI THANH; 01 thẻ BIDV số 0704180100617844, mang tên NGUYEN THI HONG HAN không còn giá trị sử dụng;

- 01 chiếc loại màn hình cảm ứng, màn hình bị vỡ nứt, mặt sau màu tím có chữ VIVO, ốp lưng bằng nhựa trong suốt (*tạm giữ của Nguyễn Tiến K*);

- 03 chiếc điện thoại, trong đó 01 điện thoại mặt sau màu xanh có chữ VIVO; 01 chiếc loại màn hình cảm ứng, mặt sau màu hồng có chữ NOKIA, ốp lưng bằng nhựa trong suốt; 01 chiếc loại màn hình cảm ứng, mặt sau màu xanh, ốp lưng bằng nhựa trong suốt (*tạm giữ của Lê Quang C1*);

- 02 điện thoại, trong đó 01 chiếc loại bàn phím viền màu đỏ, vỏ màu đen, mặt trước, sau có chữ Masstel; 01 chiếc loại màn hình cảm ứng, vỏ màu đen, mặt sau có chữ SAMSUNG, ốp lưng bằng nhựa màu vàng (*tạm giữ của Nguyễn Thị L*);

- 01 chiếc loại màn hình cảm ứng, có chữ Iphone, màu đen (*tạm giữ của Nguyễn Văn Q*).

***Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tài sản không liên quan đến phạm tội:**

- Trả cho Phạm Thị N, sinh năm 1976, trú tại thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang 01 điện thoại Iphone, màu trắng bạc, đã qua sử dụng.

- Trả cho chị Trịnh Thị Kim N2, sinh năm 1974, trú tại Tổ C, phường N, TP Y, tỉnh Yên Bái, Số tiền 155.990.000đ (*Một trăm năm mươi lăm triệu chín trăm chín mươi chín nghìn đồng*).

*** Trả lại cho các bị cáo tài sản, giấy tờ không liên quan đến hành vi phạm tội gồm:**

- Trả lại cho Nguyễn Tiến K 01 (một) xe ô tô tải, nhãn hiệu TMT, số loại K01-MB; biển kiểm soát 23C – 065.82, được niêm phong theo quy định + 01 chìa khóa xe ô tô, đã qua sử dụng (do ô tô trên đang thế chấp tại ngân hàng).

- 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện của chủ xe ô tô số: AD22/0360563, chủ xe Nguyễn Tiến K do Công ty cổ phần B cấp ngày 01/11/2021;

- 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định ATKY và BVMTPTGTCTG đường bộ số: KD 7834970, biển đăng ký 23C – 065.82, do Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới tỉnh H cấp ngày 01/11/2021;

- 01 (một) thẻ Ngân hàng V2, số 9704150104284941, mang tên NGUYEN TIEN KHAN;

- 01 (một) căn cước công dân số 036074020695, cấp ngày 10/8/2021, mang tên Nguyễn Văn Q.

- 01 chiếc loại bàn phím, màu đen, có chữ NOKIA của Nguyễn Văn Q

- 01 thẻ ngân hàng T9 số 4780970010968487, mang tên Nguyễn Văn Q.

- Trả lại số tiền 10.735.000đ cho bị cáo Lê Quang C1.

(Đặc điểm, tình trạng các vật chứng được bàn giao giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang như biên bản bàn giao ngày 29/01/2024).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Tiến K, Lê Quang C1, Nguyễn Văn Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Luật sư Viên Thị V là người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị L trình bày: Nhất trí quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đối với bị cáo Nguyễn Thị L về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong việc giải quyết vụ án. Vì vậy, Luật sư đồng ý với quan điểm của Kiểm sát viên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị L. Về mức án Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo L mức án thấp nhất và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Luật sư Nguyễn Xuân Q1 là người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Q trình bày: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Luật sư đồng ý với quan điểm của Kiểm sát viên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Q. Về mức án Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo Q mức án từ 17 đến 18 năm tù và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Luật sư Phạm Thị L3 là người bào chữa cho bị cáo Lê Quang C1 trình bày: Nhất trí quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đối với bị

cáo Lê Quang C1 về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Luật sư đồng ý với quan điểm của Kiểm sát viên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Quang C1. Về mức án Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo C1 mức án từ 15 đến 16 năm tù và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Phạm Thị N trình bày: Có quen biết với bị cáo L do ở cùng thôn, L có hỏi mượn số tài khoản và được N đồng ý, Khi mượn số tài khoản, L không nói mục đích mượn là gì. Số tiền trong tài khoản là 63.500.000đ là của bị cáo Nguyễn Thị L, còn nguồn gốc số tiền đó như thế nào thì N không biết. Đề nghị HĐXX xử lý số tiền của L gửi theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Lù Thị N1 vắng mặt chủ tọa công bố lời khai: Bà N1 và bị cáo Q chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2022, trong quá trình chung sống, bị cáo Q có có mấy lần chuyển tiền vào số tài khoản của bà N1 để chi tiêu sinh hoạt hàng ngày. Ngoài ra bị cáo Q có nhờ bà N1 chuyển tiền vào tài khoản của nhiều người khác nhau, bị cáo Q không nói mục đích việc chuyển tiền. Tại giai đoạn điều tra bà N1 đã tự nguyện giao nộp 4.000.000đ cho cơ quan điều tra. Đề nghị HĐXX xem xét xử lý theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Trịnh Thị Kim N2 trình bày: Do có quen biết với bị cáo Nguyễn Thị L lâu năm và con gái Phạm Thu H6 của bà N2 đang sinh sống cùng với bị cáo L nên có cho bị cáo L vay số tiền là 50.000.000đ, Số tiền bà N2 cho L vay, bà N2 không biết L dùng để làm gì, khi cơ quan điều tra khám xét chỗ ở của L đã thu giữ số tiền 105.100.000đ của cá nhân bà N2. Vì vậy đề nghị HĐXX xem xét trả lại số tiền 105.100.000đ cho bà N2 sử dụng để chữa bệnh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Lù Thị T4 trình bày: 01(một) xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu TMT, số loại K01-MB, màu xanh, đã qua sử dụng và 01 chìa khóa xe ô tô; xe ô tô tải có mui 23C-065.82 đang thế chấp vay ngân hàng, gia đình đang vay tiền trả tiền mua ô tô. Đề nghị HĐXX trả lại xe ô tô BKS 23C-065.82 cho gia đình sử dụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Nguyễn Thị T2 trình bày: 01(một) xe máy nhãn hiệu SYM, số loại HUSKY, màu sơn đen, không kiểm tra tình trạng hoạt động của xe, không kiểm tra máy bên trong của xe, biển kiểm soát 23B1-438.24 đề nghị HĐXX trả lại xe máy cho gia đình sử dụng và số tiền 10.750.000đ thu giữ tại giai đoạn điều tra là tiền người thuê nhà trọ trả.

Lời được nói sau cùng: Các bị cáo L, Q, C1, K đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật. Đề nghị HĐXX xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm về với hoà nhập với cộng đồng và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, người bào chữa. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về căn cứ định tội, định khung hình phạt đối với các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình thực hiện như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ như *"Biên bản bắt người phạm tội quả tang"*; *"Biên bản khám xét"*; *"Biên bản mở niêm phong và cân tịnh khối lượng ma túy"*; *"Kết luận giám định"*; *"Biên bản thực nghiệm điều tra, Biên bản xác định hiện trường"*; *"Lời khai của người liên quan"* và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng tháng 5 và tháng 6 năm 2023 Nguyễn Thị L đi đến khu vực ngã ba B thuộc xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai gặp hai người đàn ông L không quen biết mua 2 lần ma túy. Lần đầu L mua được 01 cục ma túy Heroine với giá 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*). Lần hai L mua được một bánh ma túy và 02 gói ma túy tổng số tiền 157.000.000đ (*Một trăm năm mươi bảy triệu đồng*) gồm ma túy Heroine có tổng khối lượng là 348,386 gam; Methamphetamine có tổng khối lượng là: 9,290 gam, tổng số tiền hai lần mua ma túy: 197.000.000đ của hai người đàn ông không rõ tên, tuổi địa chỉ, mang về nhà cất giấu với mục đích để sử dụng và bán kiếm lời. Sau đó L bán ma túy cho Nguyễn Văn Q, bị cáo L nhận số tiền bị cáo Q trả 82.000.000đ. Sau đó Q bán ma túy cho bị cáo Nguyễn Tiến K hai lần có tổng khối lượng là 6,889 gam với số tiền là tổng: 10.750.000đ, K mua ma túy với mục đích để sử dụng cho bản thân, Q thu lời sau khi trả tiền cho bị cáo L: 1.750.000đ. Bị cáo Q bán cho Lê Quang C1 3 lần có tổng khối lượng là 46,809 gam, với số tiền là 80.000.000đ, bị cáo Q hưởng lợi 7.000.000đ sau khi trả tiền cho bị cáo L. Bị cáo C1 mua ma túy với mục đích để sử dụng và bán lại cho hai đối tượng nghiệm ma túy lần 1 được 200.000đ, lần 2 được 100.000đ tổng số tiền thu lời được: 300.000đ.

[3]. Hành vi phạm tội của các bị cáo:

[3.1]. Bị cáo Nguyễn Thị L đã cấu thành tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung hình phạt *"Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này"* có mức hình phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình;

[3.2]. Các bị cáo Nguyễn Văn Q, Lê Quang C1 đã cấu thành tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung hình phạt *"Heroine, C2, Methamphetamine, A, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam"* có mức hình phạt tù từ 15 năm đến 20 năm;

[3.3]. Bị cáo Nguyễn Tiến K cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b, g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung hình phạt “*Phạm tội 2 lần trở lên*” và “*Heroine, C2, Methamphetamine, A, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam*” có mức hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.

[4]. Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn Q, Lê Quang C1 thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy 2 lần trở lên, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Đối với Nguyễn Văn Q năm 2003 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xử phạt 16 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài và tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, chưa được xóa án tích. Đến năm 2023 Nguyễn Văn Q lại thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhiều lần với C1 và K. Do đó bị cáo Q bị áp dụng thêm tình tiết tăng nặng “*tái phạm nguy hiểm*”, bị cáo Q phải chịu các tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 BLHS. Bị cáo Nguyễn Tiến K không có tình tiết tăng nặng.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong việc giải quyết vụ án và khai ra các lần phạm tội trước đó; Do đó các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bồ đề của bị cáo K là người có công với cách mạng được tặng thưởng nhiều Huân, huy chương, bị cáo L có bố chồng là ông Vũ Hồng S được tặng thưởng huân chương hạng ba và có con gái bị khuyết tật đặc biệt nặng, bà Đào Thị Thảo mẹ đẻ của bị cáo C1 được tặng thưởng huy chương, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6]. Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của các bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, là khách thể được P bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, phải nhận thức được rằng người nghiện ma túy không chỉ ảnh hưởng đến sức khỏe của bản thân mà còn làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình và là tác nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác, song chỉ vì mục đích sử dụng thỏa mãn cơn nghiện của bản thân và nhằm bán kiếm lời khi có đối tượng khác hỏi mua mà các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

[7] Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có sự phân công nhiệm vụ, cụ thể cho từng người. Do đó các bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của các bị cáo đã gây ra; song về nguyên tắc mỗi người đồng phạm phải chịu trách nhiệm độc lập về việc cùng thực hiện hành vi phạm tội, những tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân liên quan đến bị cáo nào thì áp dụng đối với riêng bị cáo đó; đồng thời áp dụng Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự về đồng phạm và quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm đối với các bị cáo.

[8]. Đối với bị cáo Nguyễn Thị L, được xác định là người có vai trò chính trong vụ án, sau khi mua được ma túy, bị cáo đã chủ động hỏi Q để tìm người mua ma túy của L. L đã nhiều lần bán ma túy cho Q để bán cho những bị cáo khác. Mặc dù các bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nhưng đã bán và sử dụng hết nên không thu được tang vật là ma túy để xác định được khối lượng ma túy đã mua bán. Vì vậy cần áp dụng hướng có lợi cho bị cáo là chỉ tính khối lượng ma túy thu được khi bắt quả tang và khám xét khẩn cấp là 348,386 gam ma túy, loại Heroine và 9,290 gam ma túy, loại Methamphetamine. Bị cáo L đã bán cho bị cáo Q nhiều lần và Q đã trả tiền theo số lượng mua Heroine theo giá hai bên thỏa thuận, tiền chuyển trả qua tài khoản cho bị cáo L 82.000.000đ. Hành vi phạm tội của bị cáo L thể hiện sự bất chấp kỷ cương, coi thường pháp luật, nên cần phải xem xét xử lý bị cáo L mức án thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo, đồng thời có ý nghĩa răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong việc giải quyết vụ án; bản thân bị cáo có con gái bị khuyết tật đặc biệt nặng. Do đó cần xem xét khi lượng hình.

[9]. Đối với bị cáo Nguyễn Văn Q, là người bán trái phép chất ma túy cho bị cáo Lê Quang C1 và Nguyễn Tiến K với tổng khối lượng là 53,698 gam ma túy, loại Heroine và được hưởng lợi số tiền chênh lệch do bán ma túy mà có là 8.750.000đ. Bị cáo Q là người có tiền án về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội Tàng trữ trái phép chất ma túy đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xử phạt 16 năm tù. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo đã không lấy đó làm bài học để sửa chữa lỗi lầm mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Q là người giúp sức tích cực cho bị cáo L thực hiện hành vi mua bán ma túy. Xét thấy, bị cáo là người có thái độ bất chấp kỷ cương, coi thường pháp luật, không có sự ăn năn hối cải nên cần xử phạt bị cáo mức án thật nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo, đồng thời bảo đảm sự nghiêm minh của pháp luật và có ý nghĩa răn đe, phòng ngừa chung.

[10]. Đối với bị cáo Lê Quang C1, là người mua ma túy của bị cáo Q 03 lần với tổng khối lượng là 46,809 gam ma túy bị cáo C1 vừa sử dụng vừa bán, đã bán cho 02 người số tiền được trả 300.000đ. Bản thân bị cáo C1 là người có nhân thân xấu, năm 2008 bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang xử phạt 02 năm tù giam về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; năm 2012 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xử phạt 03 năm tù giam về tội Mua bán trái phép chất ma túy. So sánh khối lượng ma túy bị cáo C1 bị Viện kiểm sát truy tố ít hơn khối lượng ma túy bị cáo Q bị truy tố, do đó cần xem xét mức án thấp hơn so với bị cáo Q.

[11]. Đối với bị cáo Nguyễn Tiến K, là người mua ma túy của bị cáo Q 02 lần với tổng khối lượng là 6,889 gam ma túy. Bị cáo K là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với cơ quan điều tra; bố của bị cáo là ông Nguyễn Xuân T3 là người có công với cách mạng được tặng thưởng nhiều Huân, huy chương. HĐXX sẽ cân nhắc khi lượng hình cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, để bị cáo có thêm động lực phấn đấu vươn lên trở thành người công

dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời cũng nhằm bảo đảm nguyên tắc cá thể hóa hình phạt trong pháp luật hình sự.

[12]. Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 249 và khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự quy định *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản"*. Đối với tội phạm *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* và *"Mua bán trái phép chất ma túy"* cần phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo là hoàn toàn đúng với quy định của pháp luật.

[13]. Về biện pháp tư pháp:

[14]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng như sau:

* *Tịch thu, tiêu hủy vật chứng trực tiếp liên quan đến tội phạm gồm:*

- 02 (hai) cân điện tử, trong đó 01 cân màu đen có in chữ màu trắng CHQ POCKETSCALE và 01 cân màu đen, có dán tem in chữ QCPASS100/0.01g, đã qua sử dụng;

- 01 (một), chai bằng nhựa có cắm 01 ống hút bằng thủy tinh, 01 ống hút bằng nhựa, đã qua sử dụng;

- 01 (một) bật lửa ga màu xanh; 01 (một) bật lửa khò màu đỏ, đã qua sử dụng;

- 01 (một) hộp bìa cát tông niêm phong cũ;

- 01 (một) lọ nhựa màu trắng hình trụ tròn, bên ngoài có dán tem có chữ màu đen, in hình hoa văn, nắp màu vàng ; 01 (một) cân điện tử, vỏ màu đen, mặt trước có mảnh inox màu trắng; 01 (một) kéo dạng gấp bằng kim loại màu trắng đã bị han gỉ; 01 (một) hộp bìa cát tông, có in hình hoa văn và in chữ màu đen, xanh, đỏ; 01 (một) mảnh chăn ga màu đỏ in hình hoa văn, đã qua sử dụng;

- 204 (hai trăm linh bốn) túi nilon màu trắng, miệng khóa vuốt viền màu đỏ, chưa qua sử dụng;

- 01 (một) mảnh giấy ăn, đã bị nhàu nát; 02 (hai) dây cao su màu vàng; 01 (một) mảnh băng dính màu xanh; 03 (ba) túi nilon màu đen; 01 (một) mảnh giấy nền màu vàng có ký hiệu màu đỏ; 02 (hai) mảnh băng dính màu vàng; 18 (mười tám) túi nilon màu trắng, miệng khóa vuốt viền màu đỏ; 05 (năm) mảnh nilon màu trắng; 01 (một) mảnh giấy vệ sinh, đã bị nhàu nát; 18 (mười tám) mảnh giấy trắng có dòng kẻ; 01 (một) vỏ bao thuốc lá Thăng Long, màu vàng; 02 (hai) túi nilon màu trắng, có chữ màu xanh, đã qua sử dụng;

- 04 (bốn) phong bì giấy, niêm phong cũ; 01 (một) mảnh giấy nhiều màu sắc;

- 01 (một) phong bì màu trắng được niêm phong kín, mặt trước ghi ***"Mẫu vật hoàn lại sau giám định ký hiệu từ A1 đến A3"***; mặt sau có chữ ký, chữ viết của các thành phần tham gia niêm phong, có 02 hình dấu tròn đỏ của Phòng K1 Công an tỉnh H;

- 01 (một) phong bì màu trắng được niêm phong kín, mặt trước ghi ***"Mẫu vật hoàn lại sau giám định ký hiệu từ A1 đến A22"***; mặt sau có chữ ký, chữ viết

của các thành phần tham gia niêm phong, có 02 hình dấu tròn đỏ của Phòng K1 Công an tỉnh H;

- 01 (một) túi phong bì màu nâu (Mã số PS2 - 2119449), niêm phong kín, mặt trước phong bì ghi **“Mẫu vật hoàn lại sau giám định ký hiệu từ A1 đến A6”**; mặt sau có chữ ký, chữ viết của các thành phần tham gia niêm phong, có 03 hình dấu tròn đỏ của Phòng K1 Công an tỉnh H;

- (02(hai) thẻ Ngân hàng, trong đó 01 thẻ A1, số 9704050817308765, mang tên NGUYEN THI THANH; 01 thẻ BIDV số 0704180100617844, mang tên NGUYEN THI HONG HAN) thu tại nhà bị cáo L do không còn giá trị sử dụng.

** Tịch thu sung Ngân sách nhà nước số tiền, công cụ, phương tiện liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo gồm:*

Truy thu số tiền 82.000.00đ do bị cáo L mua bán trái phép chất ma túy mà có (05 lần bán cho bị cáo Q).

Truy thu số tiền: 8.750.000đ do bị cáo Q hưởng lợi từ bán mà túy mà có, nhưng được trừ vào số tiền 4.000.000đ chị N1 đã nộp cho Q trong quá trình điều tra, còn truy thu số tiền: 4.750.000đ

Truy thu số tiền: 300.000đ do bị cáo C1 bán cho hai đối tượng nghiện ma túy.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, màn hình bị vỡ nứt, mặt sau màu tím có chữ Vivo, ốp lưng bằng nhựa trong suốt, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không bật được nguồn không kiểm tra được tình trạng hoạt động bên trong điện thoại (điện thoại của bị cáo Nguyễn Tiến K);

- 01 (một) chiếc điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, mặt sau màu xanh có chữ VIVO, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không bật được nguồn không kiểm tra được tình trạng hoạt động bên trong điện thoại (điện thoại của bị cáo Lê Quang C1);

- 01 (một) chiếc điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, mặt sau màu hồng có chữ NOKIA, ốp lưng bằng nhựa trong suốt, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không bật được nguồn không kiểm tra được tình trạng hoạt động bên trong điện thoại (điện thoại của bị cáo Lê Quang C1);

- 01 (một) chiếc điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, mặt sau màu xanh, ốp lưng bằng nhựa trong suốt, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không bật được nguồn không kiểm tra được tình trạng hoạt động bên trong điện thoại (điện thoại của bị cáo Lê Quang C1);

- 01 (một) chiếc điện thoại di động loại bàn phím viên màu đỏ, vỏ màu đen, mặt trước, sau có chữ Masstel, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không bật được nguồn không kiểm tra được tình trạng hoạt động bên trong điện thoại (điện thoại của bị cáo Nguyễn Thị L);

- 01 (một) chiếc điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, vỏ màu đen, mặt sau có chữ SAMSUNG, ốp lưng bằng nhựa màu vàng, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không bật được nguồn không kiểm tra được tình trạng hoạt động bên trong điện thoại (điện thoại của bị cáo Nguyễn Thị L);

- 01 (một) chiếc điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, có chữ Iphone, màu đen, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không bật được nguồn không kiểm tra

được tình trạng hoạt động bên trong điện thoại (điện thoại của bị cáo Nguyễn Văn Q);

- 01 (một) chiếc điện thoại di động loại bàn phím, màu đen, có chữ NOKIA, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không bật được nguồn không kiểm tra được tình trạng hoạt động bên trong điện thoại (điện thoại của bị cáo Nguyễn Văn Q);

- 01(một) xe máy nhãn hiệu SYM, số loại HUSKY, màu sơn đen, không kiểm tra tình trạng hoạt động của xe, không kiểm tra máy bên trong của xe, biển kiểm soát 23B1-438.24, có số khung RLGPB12AKJD001283, số máy VMVL2AD001283, có dung tích xi lanh 124, xe đã cũ, đã qua sử dụng và 01 chìa khóa xe máy (theo phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ xe của Nguyễn Hữu T7); 01(một) chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, xe số: 052208 mang tên Nguyễn Hữu T7, sinh năm 1972, địa chỉ: tổ B, phường N, TP H, tỉnh Hà Giang, do Phòng CSGT Công an tỉnh H, cấp ngày 25/5/2018.

** Duy trì phong tỏa tài khoản, tạm giữ tài sản để đảm bảo thi hành án:*

- Duy trì Lệnh phong tỏa tài khoản số 23/LPT-CSMT ngày 03/7/2023 do cơ quan CSĐT - Công an tỉnh H thực hiện đối với tài khoản số 0397822451 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần T8 (M1) của bị cáo Nguyễn Thị L với số tiền 39.600.000đ *(Ba mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng).*

- Duy trì Lệnh phong tỏa tài khoản số 24/LPT-CSMT ngày 03/7/2023 do cơ quan CSĐT - Công an tỉnh H thực hiện đối với tài khoản số 0956933458888 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần T8 (M1) của bà Phạm Thị N với số tiền 63.500.000đ *(Sáu mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).*

- Duy trì Lệnh phong tỏa tài khoản số 25/LPT-CSMT ngày 03/7/2023 do cơ quan CSĐT - Công an tỉnh H thực hiện đối với tài khoản số 190701749060016 tại Ngân hàng TMCP K2 - chi nhánh L4 của bị cáo Nguyễn Văn Q với số tiền 111.921đ *(Một trăm mười một nghìn chín trăm hai mươi mốt đồng).*

** Trả lại tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội gồm:*

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Q: 01(một) thẻ Ngân hàng T10 VISA số 4780970010968487, mang tên NGUYEN VAN QUYEN;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Tiến K 01(một) thẻ Ngân hàng V2, số I, mang tên NGUYEN TIEN KHAN.

- Trả lại cho bị cáo K 01(một) xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu TMT, số loại K01-MB, màu xanh, không kiểm tra tình trạng hoạt động của xe, không kiểm tra máy bên trong của xe, biển kiểm soát 23C-065.82, có số khung RRT04309TM1A00381, số máy AF101321331000, có dung tích xi lanh 990, xe đã cũ, đã qua sử dụng và 01 chìa khóa xe ô tô; 01(một) giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện của chủ xe ô tô số: AD22/0360563, chủ xe Nguyễn Tiến K do Công ty cổ phần B cấp ngày 01/11/2021; 01(một) giấy chứng nhận kiểm định ATKT và BVMTPTGTCTG đường bộ số: KD 7834970, biển đăng ký 23C – 065.82, do trung tâm đăng kiểm xe cơ giới tỉnh H cấp ngày 01/11/2021.

- Trả lại cho bị cáo Lê Quang C1 số tiền 10.735.000đ là tiền do người thuê nhà ở trọ trả cho bị cáo C1 (tạm giữ để bảo đảm việc thi hành án).

- Trả lại cho bà Trịnh Thị Kim N2 số tiền 155.990.000đ vì số tiền của bà N2 không liên quan đến việc phạm tội của bị cáo L. Bà Trịnh Thị Kim N2, sinh năm 1974. Địa chỉ: Số nhà G, Tổ C, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

- Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị N 01(một) chiếc điện thoại di động loại màn hình cảm ứng có chữ Iphone, màu trắng bạc, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không bật được nguồn không kiểm tra được tình trạng hoạt động bên trong điện thoại.

[15]. Đối với bà Phạm Thị N, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được và lời khai tại phiên tòa, HĐXX xét thấy việc bà N cho L mượn số tài khoản không biết mục đích là gì. Về số tiền trong tài khoản 63.500.000đ là của bị cáo Nguyễn Thị L bà N cũng không rõ nguồn gốc. Do đó Cơ quan CSĐT không xử lý đối với Phạm Thị N là có căn cứ. Việc bà N đề nghị HĐXX xem xét xử lý số tiền này theo quy định pháp luật là có căn cứ. Tuy nhiên để đảm bảo việc thi hành án cho bị cáo Nguyễn Thị L, do vậy tiếp tục duy trì lệnh phong tỏa tài khoản là cần thiết.

[16]. Đối với bà Lù Thị N1, bà N1 và bị cáo Q sống chung như vợ chồng, việc bị cáo Q phạm tội bà không biết. Việc phạm tội của bị cáo Q không được trao đổi, thống nhất nội dung gì. Do vậy cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ. Về số tiền 4.000.000đ bà N1 giao nộp tại giai đoạn điều tra, bà đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định pháp luật là có căn cứ.

[17]. Đối với bà Trịnh Thị Kim N2, do có quen biết thân thiết với bị cáo Nguyễn Thị L nên đã cho L vay tổng số tiền là 50.000.000đ. Tại phiên tòa bị cáo L cũng xác nhận số tiền 50.000.000đ bị thu giữ tại giai đoạn điều tra là bị cáo L vay bà N2, nay xin trả lại số tiền 50.000.000đ cho bà N2. Giữa bà N2 và bị cáo L không làm ăn, buôn bán gì. Vì vậy Cơ quan CSĐT không xử lý đối với Trịnh Thị Kim N2 là có căn cứ.

[18]. Đối với bà Lù Thị T4 đề nghị trả xe ô tô biển kiểm soát 23C-065.82. HĐXX chấp nhận trả xe ô tô biển kiểm soát 23C-065.82 cho bị cáo K vì đây là tài sản chung của vợ chồng đang thế chấp vay ngân hàng để bảo đảm khoản tiền vay mua ô tô.

[19]. Bà Nguyễn Thị T2 (Vợ bị cáo C1) đề nghị trả xe mô tô biển kiểm soát 23B1-438.24. HĐXX không chấp nhận vì là phương tiện bị cáo C1 dùng vào việc đi mua ma túy về sử dụng và bán kiếm lời. Về việc đề nghị trả lại cho bị cáo Lê Quang C1 số tiền 10.735.000đ là tiền do người thuê nhà ở trọ HĐXX chấp nhận trả lại số tiền cho bị cáo C1.

[20]. Đối với 02 người đàn ông khoảng 60 tuổi ở khu vực ngã ba B thuộc xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai là người bán ma túy cho bị cáo Nguyễn Thị L, do bị cáo không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể, không có số điện thoại của hai người đàn ông này, quá trình trao đổi mua bán ma túy không có người làm chứng; Do đó Cơ quan CSĐT không đủ căn cứ để xử lý trong vụ án này, cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh nếu có căn cứ sẽ xử lý trong vụ án khác là phù hợp với quy định của pháp luật.

[21] Đối với Nguyễn Ánh H4, sinh năm 1980, trú: Tổ F, phường N, TP . là người mua ma túy của bị cáo Lê Quang C1, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác

minh tại Công an phường N, xác định Nguyễn Ánh H4 đã chết do đột tử. Vì vậy không đề cập xem xét.

[22] Đối với người tên là T5, trú tại xã P, huyện V, là người mua ma túy của bị cáo Lê Quang C1, Cơ quan điều tra đã tiến hành phối hợp với Công an xã P xác minh, rà soát trên địa bàn, không có người tên là T5, nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để tiếp tục xác minh là đúng quy định pháp luật.

[23] Đối với Trịnh Duy T6, sinh năm 1962, trú tại tổ H, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang, làm nghề kinh doanh vàng bạc tại cửa hàng V1. Trịnh Duy T6 quản lý và sử dụng số tài khoản 8200999936666 và 345100051988888, trong quá trình kinh doanh có nhiều người đến nhờ chuyển tiền, không nhớ được đã chuyển khoản cho những ai, cũng không biết nguồn gốc số tiền và mục đích chuyển khoản của khách hàng. Do đó Cơ quan CSĐT không xử lý đối với Trịnh Duy T6 là có căn cứ.

[24]. Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Nguyễn Thị L, Lê Quang C1, Nguyễn Tiến K. Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh H đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức “*Cảnh cáo*” theo quy định tại khoản 1 điều 21 Nghị định số: 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ là đúng quy định của pháp luật.

[25]. Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về tội danh, khung hình phạt đối với các bị cáo Hội đồng xét xử chấp nhận; việc xử lý vật chứng được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[26]. Đối với luận cứ của Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Quang C1 là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Quang C1.

[27]. Đối với luận cứ của Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị L là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị L.

[28]. Đối với luận cứ của Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Q là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Q.

[29]. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo là người bị kết tội, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng theo quy định của pháp luật.

[30]. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

- Các bị cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn Q, Lê Quang C1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

- Bị cáo Nguyễn Tiến K phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị L, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 07/6/2023).

- Áp dụng điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Q, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 17 (mười bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 07/6/2023).

- Áp dụng điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Quang C1, xử phạt bị cáo Lê Quang C1 15 (mười lăm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 07/6/2023).

- Áp dụng điểm b, g khoản 2, khoản 5 Điều 249; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Tiến K, xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến K 06 (sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 07/6/2023).

Tiếp tục tạm giam các bị cáo L, Q, C1, K để bảo đảm việc chấp hành án phạt tù.

*** Hình phạt bổ sung:** Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 10.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Văn Q 7.000.000 đồng; bị cáo Lê Quang C1 7.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Tiến K 5.000.000 đồng.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng như sau:

*** Tịch thu, tiêu hủy vật chứng trực tiếp liên quan đến tội phạm gồm:**

- 01 (một) phong bì màu trắng được niêm phong kín, mặt trước ghi “Mẫu vật hoàn lại sau giám định ký hiệu A1 đến A3” mặt sau có chữ ký, chữ viết của các thành phần tham gia niêm phong, có 02 hình dấu tròn đỏ của Phòng K1 Công an tỉnh H (có kết luận giám định số 186/KL-KTHS ngày 14 tháng 6 năm 2023 của Phòng K1 Công an tỉnh H kèm theo);

- 01 (một) phong bì màu trắng được niêm phong kín, mặt trước ghi “Mẫu vật hoàn lại sau giám định ký hiệu A1 đến A22” mặt sau có chữ ký, chữ viết của các thành phần tham gia niêm phong, có 02 hình dấu tròn đỏ của Phòng K1 Công an tỉnh H (có kết luận giám định số 188/KL-KTHS ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Phòng K1 Công an tỉnh H kèm theo);

- 01 (một) túi phong bì màu nâu (Mã số PS2-2119449), niêm phong kín, mặt trước phong bì ghi “Mẫu vật hoàn lại sau giám định ký hiệu A1 đến A6” mặt sau có chữ ký, chữ viết của các thành phần tham gia niêm phong, có 03 hình dấu tròn

đỏ của Phòng K1 Công an tỉnh H(có kết luận giám định số 187/KL-KTHS ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Phòng K1 Công an tỉnh H kèm theo);

- 02 (hai) cân điện tử, trong đó 01 cân màu đen có in chữ màu trắng CHQ POCKETSCALE và 01 cân màu đen, có dán tem in chữ QCPASS100/0.01g, đã qua sử dụng;

- 01(một) chai bằng nhựa có cắm 01 ống hút bằng thủy tinh, 01 ống huta bằng nhựa, đã qua sử dụng;

- 01(một) bật lửa ga màu xanh, đã qua sử dụng;

- 01(một) bật lửa khò mẩu đỏ, đã qua sử dụng;

- 01(một) vỏ hộp bìa cát tông niêm phong cũ, đã qua sử dụng;

- 01(một) lọ nhựa màu trắng hình trụ tròn, bên ngoài có dán tem có chữ màu đen, in hình hoa văn, nắp màu vàng, đã qua sử dụng;

- 01(một) cân điện tử, vỏ màu đen, mặt trước có mảnh inox màu trắng, đã qua sử dụng;

- 01(một) kéo dạng gấp bằng kim loại màu trắng đã bị han rỉ, đã qua sử dụng;

- 01(một) vỏ hộp bìa cát tông, có in hình hoa văn và in chữ màu đen, xanh, đỏ;

- 01(một) mảnh chắn ga màu đỏ in hình hoa văn, đã qua sử dụng;

- 204(hai trăm linh bốn) túi nilon màu trắng, miệng khóa vuốt viền màu đỏ, chưa qua sử dụng;

- 01(một) mảnh giấy ăn, đã bị nhàu nát, đã qua sử dụng;

- 02(hai) dây cao su màu vàng, đã qua sử dụng;

- 01(một) mảnh băng dính màu xanh, đã qua sử dụng;

- 03(ba) túi nilon màu đen, đã qua sử dụng;

- 01(một) mảnh giấy nền màu vàng có ký hiệu màu đỏ, đã qua sử dụng;

- 02(hai) mảnh băng dính màu vàng, đã qua sử dụng;

- 18(mười tám) túi nilon màu trắng, miệng khóa vuốt viền màu đỏ, đã qua sử dụng;

- 05(Năm) mảnh nilon màu trắng, đã qua sử dụng;

- 01(một) mảnh giấy vệ sinh, đã bị nhàu nát, đã qua sử dụng;

- 18(mười tám) mảnh giấy trắng có dòng kẻ, đã qua sử dụng;

- 01(một) vỏ bao thuốc lá Thăng Long, màu vàng, đã qua sử dụng;

- 02(hai) túi nilon màu trắng, có chữ màu xanh, đã qua sử dụng;

- 04(bốn) phong bì giấy, niêm phong cũ, đã qua sử dụng;

- 01(một) mảnh giấy nhiều màu sắc, đã qua sử dụng.

- (02(hai) thẻ Ngân hàng, trong đó 01 thẻ A1, số 9704050817308765, mang tên NGUYEN THI THANH; 01 thẻ BIDV số 0704180100617844, mang tên NGUYEN THI HONG HAN) thu tại nhà bị cáo L do không còn giá trị sử dụng.

**** Tịch thu sung Ngân sách nhà nước công cụ, phương tiện, tiền liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo gồm:***

Truy thu số tiền 82.000.000đ do bị cáo L mua bán trái phép chất ma túy mà có.

Truy thu số tiền: 8.750.000đ do bị cáo Q hưởng lợi từ bán ma túy mà có, nhưng được trừ vào số tiền 4.000.000đ chi N1 đã nộp cho Q trong quá trình điều tra, còn truy thu số tiền: 4.750.000đ.

Truy thu số tiền: 300.000đ do bị cáo C1 bán mua bán trái phép chất ma túy mà có.

- 01(một) chiếc điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, màn hình bị vỡ nứt, mặt sau màu tím có chữ Vivo, ốp lưng bằng nhựa trong suốt, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không bật được nguồn không kiểm tra được tình trạng hoạt động bên trong điện thoại (điện thoại của bị cáo Nguyễn Tiến K);

- 01(một) chiếc điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, mặt sau màu xanh có chữ VIVO, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không bật được nguồn không kiểm tra được tình trạng hoạt động bên trong điện thoại (điện thoại của bị cáo Lê Quang C1);

- 01(một) chiếc điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, mặt sau màu hồng có chữ NOKIA, ốp lưng bằng nhựa trong suốt, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không bật được nguồn không kiểm tra được tình trạng hoạt động bên trong điện thoại (điện thoại của bị cáo Lê Quang C1);

- 01(một) chiếc điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, mặt sau màu xanh, ốp lưng bằng nhựa trong suốt, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không bật được nguồn không kiểm tra được tình trạng hoạt động bên trong điện thoại (điện thoại của bị cáo Lê Quang C1);

- 01(một) chiếc điện thoại di động loại bàn phím viền màu đỏ, vỏ màu đen, mặt trước, sau có chữ Masstel, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không bật được nguồn không kiểm tra được tình trạng hoạt động bên trong điện thoại (điện thoại của bị cáo Nguyễn Thị L);

- 01(một) chiếc điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, vỏ màu đen, mặt sau có chữ SAMSUNG, ốp lưng bằng nhựa màu vàng, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không bật được nguồn không kiểm tra được tình trạng hoạt động bên trong điện thoại (điện thoại của bị cáo Nguyễn Thị L);

- 01(một) chiếc điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, có chữ Iphone, màu đen, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không bật được nguồn không kiểm tra được tình trạng hoạt động bên trong điện thoại (điện thoại của bị cáo Nguyễn Văn Q);

- 01(một) chiếc điện thoại di động loại bàn phím, màu đen, có chữ NOKIA, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không bật được nguồn không kiểm tra được tình trạng hoạt động bên trong điện thoại (điện thoại của bị cáo Nguyễn Văn Q).

+ 01(một) xe máy nhãn hiệu SYM, số loại HUSKY, màu sơn đen, không kiểm tra tình trạng hoạt động của xe, không kiểm tra máy bên trong của xe, biển kiểm soát 23B1-438.24, có số khung RLGPB12AKJD001283, số máy

VMVL2AD001283, có dung tích xi lanh 124, xe đã cũ, đã qua sử dụng và 01 chìa khóa xe máy (theo phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ xe của Nguyễn Hữu T7);

+ 01(một) chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, xe số: 052208 mang tên Nguyễn Hữu T7, sinh năm 1972, địa chỉ: tổ B, phường N, TP H, tỉnh Hà Giang, do Phòng CSGT Công an tỉnh H, cấp ngày 25/5/2018.

Tiếp tục duy trì phong tỏa tài khoản, tạm giữ tài sản để đảm bảo thi hành án:

- Duy trì Lệnh phong tỏa tài khoản số 23/LPT-CSMT ngày 03/7/2023 do cơ quan CSĐT - Công an tỉnh H thực hiện đối với tài khoản số 0397822451 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần T8 (M1) của bị cáo Nguyễn Thị L với số tiền 39.600.000đ (*Ba mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng*).

- Duy trì Lệnh phong tỏa tài khoản số 24/LPT-CSMT ngày 03/7/2023 do cơ quan CSĐT - Công an tỉnh H thực hiện đối với tài khoản số 0956933458888 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần T8 (M1) của bà Phạm Thị N với số tiền 63.500.000đ (*Sáu mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng*). *số tiền do bị cáo L phạm tội mà có chuyển vào tài khoản của phạm Thị N3.*

- Duy trì Lệnh phong tỏa tài khoản số 25/LPT-CSMT ngày 03/7/2023 do cơ quan CSĐT - Công an tỉnh H thực hiện đối với tài khoản số 190701749060016 tại Ngân hàng TMCP K2 - chi nhánh L4 của bị cáo Nguyễn Văn Q với số tiền 111.921đ (*Một trăm mười một nghìn chín trăm hai mươi một đồng*).

*** Trả lại cho các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án tiền, tài sản không liên quan đến tội phạm gồm:**

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Q: 01(một) thẻ Ngân hàng T10 VISA số 4780970010968487, mang tên NGUYEN VAN QUYEN;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Tiến K 01(một) thẻ Ngân hàng V2, số I, mang tên NGUYEN TIEN KHAN.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Tiến K gồm:

+ 01(một) xe ô tô tải có mui, nhãn hiệu TMT, số loại K01-MB, màu xanh, không kiểm tra tình trạng hoạt động của xe, không kiểm tra máy bên trong của xe, biển kiểm soát 23C-065.82, có số khung RRT04309TM1A00381, số máy AF101321331000, có dung tích xi lanh 990, xe đã cũ, đã qua sử dụng và 01 chìa khóa xe ô tô; xe ô tô tải có mui 23C-065.82 đang thế chấp vay ngân hàng.

+ 01(một) giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện của chủ xe ô tô số: AD22/0360563, chủ xe Nguyễn Tiến K do Công ty cổ phần B cấp ngày 01/11/2021;

+ 01(một) giấy chứng nhận kiểm định ATK1 và BVMTPTGTCG đường bộ số: KD 7834970, biển đăng ký 23C – 065.82, do trung tâm đăng kiểm xe cơ giới tỉnh H cấp ngày 01/11/2021;

+ 01(một) căn cước công dân số 036074020695, cấp ngày 10/8/2021, mang tên Nguyễn Văn Q.

- Trả lại số tiền 10.735.000đ cho bị cáo Lê Quang C1 (tạm giữ để bảo đảm việc thi hành án).

- Trả lại số tiền 155.990.000đ cho bà Trịnh Thị Kim N2, sinh năm 1974. Địa chỉ: Số nhà G, Tổ C, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

- Trả lại 01(một) chiếc điện thoại di động loại màn hình cảm ứng có chữ Iphone, màu trắng bạc, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không bật được nguồn không kiểm tra được tình trạng hoạt động bên trong điện thoại. Cho Phạm Thị N sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang

(Đặc điểm, tình trạng các vật chứng được bàn giao giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang như biên bản bàn giao ngày 29/01/2024).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Nguyễn Thị L, Nguyễn Tiến K, Lê Quang C1, Nguyễn Văn Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- PC01; PC 04; PV06 Công an tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Cục Thi hành dân sự tỉnh;
- Người tham gia tố tụng;
- Tô HCTP;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lâm Anh Luyện